

# **BỘ MÔN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ**

## **ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KẾ TOÁN QUẢN TRỊ**

### **HỆ VỪA HỌC VỪA LÀM**

#### **TÀI LIỆU SỬ DỤNG**

Sách Kế toán quản trị - Bộ môn Kế toán quản trị - Khoa Kế toán Đại học kinh tế Tp.HCM (2021), nhà xuất bản Kinh tế.

#### **NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH**

1. Tổng quan về kế toán quản trị
2. Phân loại chi phí
3. Phân tích mối quan hệ CVP
4. Dự toán ngân sách
5. Phân tích biến động chi phí
6. Kế toán trách nhiệm
7. Định giá bán sản phẩm, dịch vụ
8. Thông tin thích hợp cho quyết định kinh doanh ngắn hạn

#### **MỘT SỐ NỘI DUNG TÓM TẮT GỢI Ý**

##### **Chương 1 - Tổng quan về kế toán quản trị**

- 1.1. Quá trình hình thành và phát triển của kế toán quản trị
- 1.2. Tổ chức - môi trường kinh doanh
- 1.3. Khái niệm – mục tiêu - chức năng – nội dung – pp kỹ thuật kế toán quản trị
- 1.4. So sánh kế toán tài chính và kế toán quản trị
- 1.5. Các hình thức tổ chức kế toán quản trị

##### **Chương 2 – Phân loại chi phí**

- 2.1. Tổng quan về chi phí
- 2.2. Phân loại chi phí

Phân loại chi phí theo chức năng: Chi phí sản xuất, chi phí ngoài sản xuất

Phân loại chi phí với kỳ xác định kết quả kinh doanh: Chi phí sản phẩm, chi phí thời kỳ

Phân loại chi phí trên báo cáo tài chính: Chi phí trên Bảng cân đối kế toán, Chi phí trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí: Biến phí, Định phí, Chi phí hỗn hợp và phân tích chi phí hỗn hợp

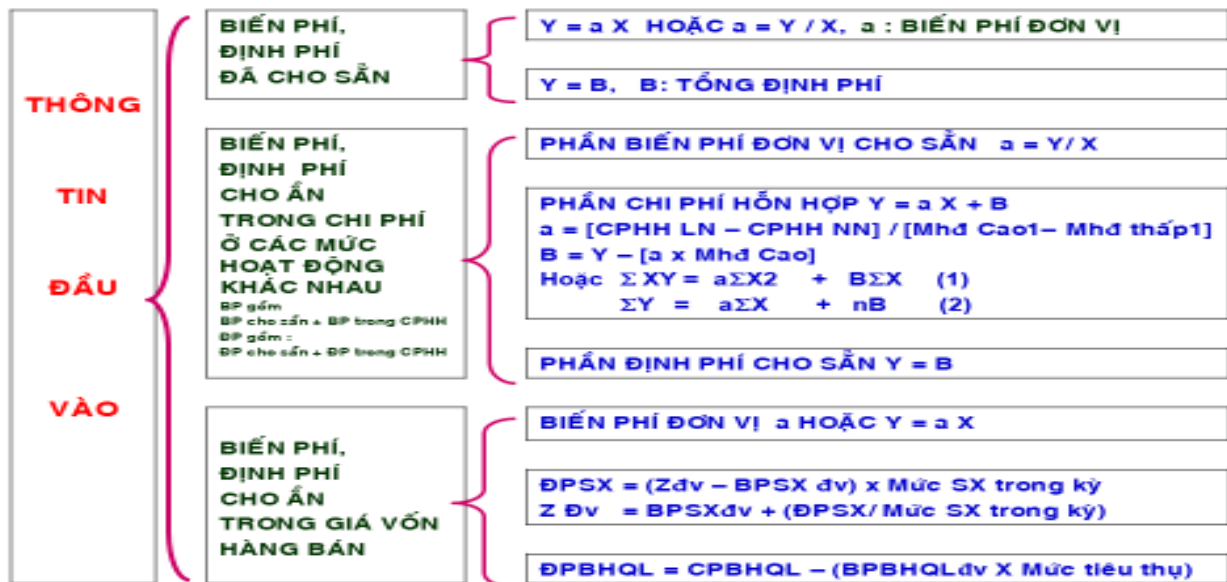
### **2.3.Các quan điểm thể hiện chi phí trong kế toán**

Chi phí theo phương pháp toàn bộ

Chi phí theo phương pháp trực tiếp.

### **Một số tóm tắt lý thuyết cơ bản trong chương 2**

#### **Nhận diện chi phí theo cách ứng xử**



### Chương 3 – Phân tích mối quan hệ CVP

#### 6.1. Những khái niệm cơ bản thể hiện mối quan hệ C-V-P

Số dư đảm phí, Tỷ lệ số dư đảm phí, Kết cấu chi phí, Độ lớn đòn bẩy hoạt động

#### 6.2. Một số ứng dụng mối quan hệ CVP

Phân tích phương án kinh doanh

<b>Báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp toàn bộ</b>			
Giá thành đơn vị : $\text{BPSX}dv + [\text{ĐPSX} / \text{Mức sản xuất}]$			
Chi phí bán hàng quản lý : $(\text{Mức tiêu thụ} \times \text{BPBHQL}dv) + \text{ĐP BHQL}$			
CHỈ TIÊU	TỔNG SỐ [đ]	Đơn vị [đ/sp]	Tỷ lệ[%]
1. DT [SL tiêu thụ X ĐG]			
2. GIÁ VỐN [SL tiêu thụ X Zdv]			
3. LN GỘP [1] – [2]			
4. CPBHQL			
5. LỢI NHUẬN [3] – [4]			
<b>Báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp trực tiếp</b>			
CHỈ TIÊU	TỔNG SỐ [đ]	Đơn vị [đ/sp]	Tỷ lệ[%]
1. DT [SL tiêu thụ X ĐG]			
2. BP [SL tiêu thụ X BPdv]			
3. SDĐP [1] – [2]			
4. ĐỊNH PHÍ			
5. LỢI NHUẬN [3] – [4]			

Phân tích lợi nhuận

Phân tích điểm hòa vốn

Phân tích ảnh hưởng kết cấu hàng bán

Định giá bán sản phẩm

### 6.3. Những giả định và hạn chế về phân tích mối quan hệ CVP

Một số tóm tắt lý thuyết cơ bản trong chương 3

## Chương 4 – Dự toán ngân sách

### 4.1. Những vấn đề cơ bản về dự toán ngân sách

Khái niệm, mục tiêu, ý nghĩa

Vị trí dự toán

Các mô hình lập dự toán

Quy trình lập dự toán

<b>CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN</b>	$SD\dot{P} = DT - BP$ $TLSD\dot{P} = (SD\dot{P}/DT)\% = [(g - a) / g]\%$ $\dot{D}L\dot{D}B\dot{K}D = SD\dot{P} / LN$	$SD\dot{P}$ LỚN sẽ có LN CAO $\Delta LN = \Delta DT \times TLSD\dot{P}$ $\Delta LN/LN_0 = (\Delta DT/DT_0) \times \dot{D}L\dot{D}B\dot{K}D$
<b>PHÂN TÍCH PA KINH DOANH</b>	$\Delta SD\dot{P}$ (xuất hiện khi thay đổi g, a, sản lượng) $\Delta \dot{P}$ (xuất hiện khi thay đổi định phí) <b>KẾT QUẢ = <math>\Delta SD\dot{P} - \Delta \dot{P}</math></b>	$KQ \geq 00$ , CHỌN PA MỎI $KQ \leq 00$ , LOẠI PA MỎI
<b>PHÂN TÍCH ĐIỂM HÒA VỐN</b>	$SLHV = \dot{P} / (g - a) = \dot{P} / SD\dot{P}dv$ $DTHV = SLHV \times g = \dot{P} / TLSD\dot{P} = \dot{P} / (100\% - TLBP)$ Phân tích điểm hòa vốn kép $DTHV$ chung = $\dot{P} / TLSD\dot{P}PBQ = \dot{P} / (100\% - TLBP)$ $DT(i) = DTHV$ chung X Tỷ trọng sản phẩm (i), $SL(i) = DT(i) / g(i)$ , Tỷ trọng sp (i) = $(DT(i) / \text{Tổng } DT)\%$	$\dot{P}$ bao gồm cả lãi vay $\dot{P} = \dot{P}PSX + \dot{P}PBHQL + L\dot{A}I$ VAY Tại điểm hòa vốn, $SD\dot{P} = \dot{P}$ $SDAT$ (MDAT) = $DT - DTHV$ $LN = SDAT \times TLSD\dot{P}$
<b>PHÂN TÍCH LỢI NHUẬN</b>	$SL$ cần đạt = $(\dot{P} + LN) / (g - a) = (\dot{P} + LN) / SD\dot{P}dv$ $DT$ cần đạt = $SL$ cần đạt X g = $(\dot{P} + LN) / TLSD\dot{P}$ $= (\dot{P} + LN) / (100\% - TLBP)$ Phân tích điểm lợi nhuận kép $DT$ chung = $(\dot{P} + LN) / TLSD\dot{P}PBQ = (\dot{P} + LN) / (100\% - TLBP)$ $DT(i) = DT$ chung X Tỷ trọng (i), $SL(i) = DT(i) / g(i)$ , Tỷ trọng (i) = $(DT(i) / \text{Tổng } DT)\%$	$\dot{P}$ bao gồm cả lãi vay $\dot{P} = \dot{P}PSX + \dot{P}PBHQL + L\dot{A}I$ VAY Tại điểm đạt $LN = SD\dot{P} = \dot{P} + LN$ $Ln + \dot{P} = Q_1(g_1 - a_1) + Q_2(g_2 - a_2) + \dots$ (nếu thay đổi g, biến phí, $\dot{p}$ ) $LN$ được chọn là LN trước thuế $LN_{tthuế} = LN_{stthuế} / (100\% - T\text{suất})$

Hệ thống báo cáo dự toán

### 4.2. Các kỹ thuật lập dự toán ngân sách

Dự toán doanh thu và thu tiền

Dự toán sản xuất và tồn kho thành phẩm

Dự toán chi phí sản xuất và tồn kho nguyên liệu

Dự toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Dự toán tiền

Dự toán kết quả kinh doanh

Dự toán bảng cân đối kế toán

### 4.3. Một số dự toán đặc trưng trong doanh nghiệp thương mại

Dự toán mua hàng và thanh toán tiền- Dự toán kết quả kinh doanh

Một số tóm tắt lý thuyết cơ bản trong chương 4

## Chương 5 – Phân tích biến động chi phí

### 5.1. Chi phí định mức

### 5.2. Mô hình chung phân tích biến động biến phí theo định mức

### 5.3. Phân tích biến động chi phí vật liệu trực tiếp

### 5.4. Phân tích biến động chi phí nhân công trực tiếp

Dự toán doanh thu				
CHỈ TIÊU	CHI TIẾT			TỔNG HỢP
	T <sub>-</sub>	T <sub>-</sub>	T <sub>-</sub>	
1. NC tiêu thụ [sp]				
2. Đơn giá bán [đơn]				
3. Tổng doanh thu [1] x [2]				
Dự toán thu tiền				
CHỈ TIÊU	CHI TIẾT			TỔNG HỢP
1. Thu tiền kỳ trước	T <sub>-</sub>	T <sub>-</sub>	T <sub>-</sub>	
2. Thu tiền trong kỳ				
T <sub>4</sub>				
T <sub>5</sub>				
T <sub>6</sub>				
3. Tổng cộng [đ]				

Dự toán sản xuất				
CHỈ TIÊU	CHI TIẾT			TỔNG HỢP
	T <sub>-</sub>	T <sub>-</sub>	T <sub>-</sub>	
1. NC tiêu thụ [sp]				
2. Dự trữ tồn kho CK [sp]			X	X
3. Tổng nhu cầu [1]+[2]				
4. Tồn kho đầu kỳ [sp]	X			X
5. Nhu cầu sản xuất [3]-[4]				

Dự toán mua hàng				
CHỈ TIÊU	CHI TIẾT			TỔNG HỢP
	T <sub>-</sub>	T <sub>-</sub>	T <sub>-</sub>	
1. Nhu cầu tiêu thụ [s]				
2. Dự trữ tồn kho CK [sp]			X	X
3. Tổng nhu cầu [1]+[2]				
4. Tồn kho đầu kỳ [sp]	X			X
5. Nhu cầu mua [3]-[4]				
6. Đơn giá mua				
7. Tổng giá mua [5] x [6]				
Dự toán thanh toán tiền				
CHỈ TIÊU	CHI TIẾT			TỔNG HỢP
1. T.T tiền kỳ trước	T <sub>-</sub>	T <sub>-</sub>	T <sub>-</sub>	
2. T.T tiền trong kỳ				
T <sub>4</sub>				
T <sub>5</sub>				
T <sub>6</sub>				
3. Tổng cộng [đ]				
Dự toán thanh toán tiền				
CHỈ TIÊU	CHI TIẾT			TỔNG HỢP
1. Tồn quỹ đầu kỳ	T <sub>-</sub>	T <sub>-</sub>	T <sub>-</sub>	
2. Tiền thương kỳ				
3. Nâng học tiền [1]+[2]				
4. Tiền chi trong kỳ				
5. Cán đối thanh [3]-[4]				
6. Tồn cuối				
7. Tồn quỹ				

### 5.5. Phân tích biến động biến phí sản xuất chung

### 5.6. Phân tích biến động định phí sản xuất chung

### 2.8. Ưu điểm và hạn chế sử dụng định mức trong đánh giá và kiểm soát chi phí.

## Một số tóm tắt lý thuyết cơ bản trong chương 5

### Chương 6 – Kế toán trách nhiệm

#### 6.1. Phân quyền trong các tổ chức

#### 6.2. Hệ thống kế toán trách nhiệm

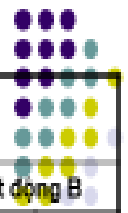
#### 6.3. Báo cáo bộ phận – Báo cáo thành quả quản lý các trung tâm trách nhiệm

#### 6.4. Đánh giá thành quả của trung tâm đầu tư

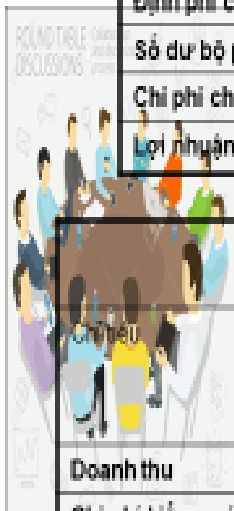
#### 6.5. Định giá chuyển nhượng nội bộ

<b>BIẾN ĐỘNG CPNVL TRỰC TIẾP</b>	$\Delta \text{CPNVLTT do giá} :$ $(\text{ĐGNVLTT thực tế} - \text{ĐGNVLTT dự toán}) \times \text{Lượng NVLTT thực tế}$ $\Delta \text{CPNVLTT do lượng} :$ $(\text{Lượng NVLTT thực tế} - \text{Lượng NVLTT dự toán điều chỉnh}) \times \text{ĐGNVLTT dự toán}$
<b>BIẾN ĐỘNG CPNC TRỰC TIẾP</b>	$\Delta \text{CPNCTT do giá} :$ $(\text{ĐGNCTT thực tế} - \text{ĐGNCTT dự toán}) \times \text{Lượng NCTT thực tế}$ $\Delta \text{CPNCTT do lượng} :$ $(\text{Lượng NCTT thực tế} - \text{Lượng NCTT dự toán điều chỉnh}) \times \text{ĐGNCTT dự toán}$
<b>BIẾN ĐỘNG CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG [4 BIẾN ĐỘNG]</b>	$\Delta \text{BPSXC do đơn giá phân bổ} :$ $\text{BPSXC thực tế} - (\text{ĐGPB BPSXC dự toán} \times \text{Mhd thực tế})$ $\Delta \text{BPSXC do năng suất} :$ $(\text{ĐGPBBPSXC dự toán} \times \text{Mhd thực tế}) - (\text{ĐGPBBPSXC dự toán} \times \text{Mhd chuẩn})$ $\Delta \text{ĐPSXC do dự toán} :$ $\text{ĐPSXC thực tế} - \text{ĐPSXC dự toán}$ $\Delta \text{ĐPSXC do khối lượng} :$ $\text{ĐPSXC dự toán} - [\text{ĐGPBĐPSXC dự toán} \times \text{Mhd chuẩn}]$

## Một số tóm tắt lý thuyết cơ bản trong chương 6



BÁO CÁO BỘ PHẬN						
Chi tiết theo các hoạt động						
Chỉ tiêu	Công ty AB		Hoạt động A		Hoạt động B	
	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
Doanh thu						
Biến phí						
Số dư đảm phí						
Định phí của từng hoạt động						
Số dư bộ phận của từng hoạt động						
Chi phí chung						
Lợi nhuận hoạt động sau chi phí chung						



BÁO CÁO BỘ PHẬN						
Chi tiết theo các nhà quản lý của các trung tâm trách nhiệm						
Chỉ tiêu	Công ty AB		Trung tâm trách nhiệm X		Trung tâm trách nhiệm Y	
	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
Doanh thu						
Chi phí kiểm soát được						
Số dư bộ phận						
Chi phí không kiểm soát được						
Lợi nhuận sau chi phí không kiểm soát được						

## THƯỚC ĐO ROI



$$\text{ROI} = \frac{\text{Operating income (???)}}{\text{Average operating assets}} \%$$

$$\text{ROI} = \frac{\text{operating income}}{\text{Sales}} \times \frac{\text{Sales}}{\text{Average operating assets}}$$

$$\text{ROI} = \text{Margin} \times \text{Turnover}$$



Tùy theo mục đích sử dụng, khi tính ROI chọn lợi nhuận, vốn đầu tư thích hợp

Đánh giá thành quả hoạt động, sử dụng  
Lợi nhuận và vốn của hoạt động (tài sản của hoạt động)

Đánh giá thành quả quản lý, sử dụng  
Lợi nhuận và vốn (tài sản) thuộc phạm vi trách nhiệm của nhà quản lý

## THƯỚC ĐO RI



$$\text{RI} = \text{Operating income} - \left( \frac{\text{Average Operating assets}}{\text{Minimum required rate of return}} \right) \times \text{Minimum required rate of return}$$



Tùy theo mục đích sử dụng, khi tính RI chọn lợi nhuận, vốn đầu tư thích hợp

Đánh giá thành quả hoạt động, sử dụng  
Lợi nhuận và vốn của hoạt động (tài sản của hoạt động)

Đánh giá thành quả quản lý, sử dụng  
Lợi nhuận và vốn (tài sản) thuộc phạm vi trách nhiệm của nhà quản lý



## Chương 7 - Định giá bán sản phẩm, dịch vụ

### 7.1. Các lý thuyết kinh tế học ảnh hưởng đến định giá bán và vai trò chi phí

#### Các lý thuyết kinh tế học ảnh hưởng đến định giá bán

##### Định giá bán theo kinh tế học

##### Vai trò chi phí trong định giá bán

### 7.2. Định giá bán theo chi phí

#### Định giá bán theo phương pháp toàn bộ

#### Định giá bán theo phương pháp trực tiếp

#### Định giá bán dịch vụ

### 7.2.4. Hạn chế của định giá bán theo chi phí

#### Một số tóm tắt lý thuyết cơ bản trong chương 7

<b>GB PP TOÀN BỘ</b>	<b>ĐƠN GIÁ BÁN :</b> Zđv+ (Zđv x Tỷ lệ số tiền tăng thêm theo pptb)	TL số tiền tăng thêm : [[CPBHQL+L.VAY+LN]/ (CPSX)]% LN = ROI x TS, [Ln mục tiêu]
<b>GB PP TRỰC TIẾP</b>	<b>ĐƠN GIÁ BÁN :</b> BPđv+ (BPđv x Tỷ lệ số tiền tăng thêm theo pptt) (BPđv x TLSTTT theo pptt) = STTT = SĐDP	TL số tiền tăng thêm : [(ĐP + LN) / (Tổng BP)]% LN = ROI x TS, [Ln mục tiêu]
<b>GIÁ DỊCH VỤ</b>	<b>GIÁ DỊCH VỤ = GIÁ LAO ĐỘNG + GIÁ VẬT TƯ</b>  <b>GIÁ LAO ĐỘNG = GIÁ LĐ TRỰC TIẾP + PHỤ PHÍ LĐ + LN LĐ</b>  <b>GIÁ VẬT TƯ = GIÁ HĐ MUA + PHỤ PHÍ VẬT TƯ + LN VẬT TƯ</b>	Tỷ lệ phụ phí lao động : CP khác BPLĐ/ Tổng chi phí LĐ t. tiếp  Tỷ lệ phụ phí vật tư : CP khác của BPVT / Giá HĐ mua vật tư
<b>GIÁ ĐẶC BIỆT</b>	<b>GIÁ BÁN = BP + SĐDP LINH HOẠT</b>  <b>SĐDP LINH HOẠT THEO TỪNG TÌNH HUỐNG</b>	+ Bù đắp toàn bộ ĐP và LN; + Bù đắp một phần ĐP và LN; + Bù đắp LN;
<b>GIÁ NỘI BỘ</b>	<b>GIÁ chuyển nhượng :</b> BP thực hiện + SĐDP bị thiệt hại do ngưng bán ra ngoài	BP thực hiện có thể : CPSX hoặc CP ở BPSX

## Chương 8 – Thông tin thích hợp cho quyết định kinh doanh ngắn hạn

### 8.1. Các khái niệm chi phí phục vụ cho quyết định kinh doanh

Quyết định kinh doanh và thông tin thích hợp

Sự cần thiết của thông tin thích hợp cho quyết định kinh doanh

Các khái niệm chi phí phục vụ cho quyết định kinh doanh

### 8.2. Kỹ thuật phân tích thông tin thích hợp cho quyết định kinh doanh.

### 8.3. Một số tình huống phân tích thông tin thích hợp phục vụ cho quyết định

Duy trì hay loại bỏ sản phẩm, bộ phận kinh doanh thua lỗ

Tự sản xuất hay mua ngoài một sản phẩm

Bán hay tiếp tục chế biến một sản phẩm

Lựa chọn đơn hàng đặc biệt

Chọn phương án trong 1 điều kiện nguồn lực kinh tế giới hạn

### Một số tóm tắt lý thuyết cơ bản trong chương 8

<b>MỤC TIÊU KINH TẾ</b>	<b>PHƯƠNG ÁN ĐEM LẠI LỢI NHUẬN TỐT HƠN</b>	$\Delta LNPA$ thay thế - $\Delta LNPA$ gốc Phải $\geq 00$
<b>MÔ HÌNH CHUNG</b>	$\Delta THU NHẬP = TN PA THAY THẾ - TN PA GỐC$ $\Delta CHI PHÍ = CP PA THAY THẾ - CP PA GỐC$ <b>KẾT QUẢ = <math>\Delta THU NHẬP - \Delta CHI PHÍ</math></b>	<b>KẾT QUẢ <math>\geq 00</math>, chọn PA thay thế</b> <b>KẾT QUẢ <math>\leq 00</math>, duy trì PA gốc</b>
<b>PHÂN TÍCH CHI TIẾT PA</b>	<b>DUY TRÌ HAY GIẢI THỂ BP KINH THUA LỖ</b> CP TIẾT KIỆM khi ngưng kinh doanh – SDDP bị mất đi	<b>KẾT QUẢ <math>\geq 00</math>, loại bỏ PA thua lỗ</b> <b>KẾT QUẢ <math>\leq 00</math>, duy trì PA thua lỗ</b>
	<b>SẢN XUẤT HAY MUA NGOÀI</b> CPSX – (Giá mua ngoài + CPSX không cắt giảm được)	<b>KẾT QUẢ <math>\geq 00</math>, mua ngoài</b> <b>KẾT QUẢ <math>\leq 00</math>, tự sản xuất</b>
	<b>BÁN HAY TIẾP TỤC CHẾ BIẾN</b> Thu nhập tăng thêm – Chi phí tăng thêm	<b>KẾT QUẢ <math>\geq 00</math>, tiếp tục chế biến</b> <b>KẾT QUẢ <math>\leq 00</math>, không tiếp tục CB</b>
	<b>CHỌN PA KINH DOANH VỚI 1 ĐIỀU KIỆN GIỚI HẠN</b> SDDP trên một điều kiện giới hạn	Ưu tiên chọn PA có SDDP trên một điều kiện giới hạn lớn nhất
	<b>CHỌN PA KD VỚI NHIỀU ĐIỀU KIỆN GIỚI HẠN</b> SDDP của cơ cấu kinh doanh tối đa	$mX + nY \dots \text{Max}$ và $aX + bY \leq C$
	<b>CHỌN PHƯƠNG ÁN KHÔNG BỊ GIỚI HẠN</b> SDDP tối đa	$SL \times (g - a) \rightarrow \text{Tối đa}$

→

# MỘT SỐ ĐỀ THI KẾ TOÁN QUẢN TRỊ

## ĐỀ 1

**Câu 1:** Công ty AB có tài liệu về sản phẩm A năm 2019 như sau :

- Năng lực sản xuất kinh doanh tối đa là 100.000 sp nhưng hiện tại năm 2019 chỉ sản xuất tiêu thụ được 80.000 sp.
- Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm A năm 2019 như sau:
  - Biến phí NVLTT là 15đ/sp, biến phí NCTT là 7đ/sp và chi phí sản xuất chung mỗi năm là 1.200.000đ, trong đó định phí sản xuất chung chiếm tỷ trọng 60%.
  - Biến phí bán hàng và quản lý 7đ/sp, định phí bán hàng và quản lý mỗi năm 1.850.000đ;
- Vốn hoạt động bình quân năm 2019 là 9.880.000đ;
- Giá bán 100 đ/sp.

**Yêu cầu (các câu độc lập nhau):**

- a. Lập báo cáo kết quả kinh doanh của công ty 2019 theo phương pháp toàn bộ, phương pháp trực tiếp.
- b. Với dự tính vốn hoạt động và các khoản mục chi phí không thay đổi, công ty mong muốn đạt được tỷ lệ hoàn vốn đầu tư là 25%, lập phiếu giá bán theo phương pháp trực tiếp với mức sản xuất kinh doanh dự tính 90.000sp.
- c. Công ty đang xem xét để cải thiện tình hình sản xuất kinh doanh với các phương án như sau:
  - Phương án 1: Tăng chi phí quảng cáo 640.000đ và tăng biến phí bao bì đóng gói là 5đ/sp thì công ty sẽ khai thác hết năng lực hoạt động.
  - Phương án 2: Tăng giá bán lên 105đ/sp, tặng quà 9đ/sp và tăng chi phí quảng cáo 482.600 đ sẽ đạt được sản lượng 86.600 sp.Vận dụng kỹ thuật phân tích C-V-P để phân tích và chọn lựa phương án có lợi nhuận tốt nhất.

**Câu 2:** Công ty AB có tài liệu ước tính cho hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm A chi tiết như sau:

Đơn giá bán 1.200 đ/sp;

Biến phí 800 đ/sp (trong đó, biến phí sản xuất 500 đ/sp);

Định phí 5.000.000 đ (trong đó, định phí sản xuất 4.000.000 đ);

Năng lực sản xuất kinh doanh với mức chi phí trên từ 5.000sp đến 8.000sp.

**Yêu cầu (các câu độc lập nhau):**

- a. Với cơ cấu chi phí, năng lực trên, xác định chi phí sản xuất kinh doanh mỗi đơn vị thấp nhất và cao nhất của sản phẩm A, đồng thời, ước tính chi phí sản xuất kinh doanh sản phẩm A ở mức hoạt động 7.000sp.
- b. Xác định tỷ lệ số tiền tăng thêm theo phương pháp trực tiếp và chỉ ra phạm vi linh hoạt của đơn giá bán.
- c. Lập dự toán sản xuất tháng cho sản phẩm A và chi tiết theo từng tuần để đảm bảo mức tiêu thụ tuần thứ 1 là 1.000sp, tuần thứ 2 là 2.000sp, tuần thứ 3 là 3.000sp, tuần thứ 4 là 4.000sp, dự trữ tồn kho cuối mỗi tuần 10% trên nhu cầu tiêu thụ tuần kế tiếp, tồn kho đầu tháng 200 sp, tồn kho cuối tháng 250 sp

## CÂU 1

### 1.a. Báo cáo kết quả kinh doanh

Lập báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp toàn bộ

Chỉ tiêu	Tổng số (đ)	Đơn vị (đ/sp)	Tỷ lệ (%)
Doanh thu [80.000 sp x 100 đ/sp]	8.000.000	100	100
Giá vốn [80.000 sp x 37 đ/sp]	2.960.000	37	37
Lợi nhuận gộp	5.040.000	63	63
Chi phí bán hàng và quản lý	2.410.000		
Lợi nhuận	2.630.000		

Giá thành đơn vị:  $(15 + 7 + [1.200.000 \times 40\% / 80.000]) + [1.200.000 \times 60\% / 80.000] = 37 \text{ đ/sp}$

Chi phí BH và QL:  $7 \times 80.000 + 1.850.000 = 2.410.000 \text{ đ}$

Lập báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp trực tiếp

Chỉ tiêu	Tổng số (đ)	Đơn vị (đ/sp)	Tỷ lệ (%)
Doanh thu [80.000 sp x 100 đ/sp]	8.000.000	100	100
Biến phí [80.000 sp x 35 đ/sp]	2.800.000	35	35
Số dư đảm phí [DT –BP]	5.200.000	65	65
Định phí	2.570.000		
Lợi nhuận [SD ĐP –ĐP]	2.630.000		

Biến phí đơn vị:  $(15 + 7 + [1.200.000 \times 40\% / 80.000]) + 7 = 35 \text{ đ/sp}$

Định phí:  $1.200.000 \times 60\% + 1.850.000 = 2.570.000 \text{ đ}$

**1.b.Định giá bán**

Lợi nhuận mục tiêu:  $9.880.000 \times 25\% = 2.470.000 \text{ đ}$

Định phí: 2.570.000 đ

Tổng biến phí:  $90.000 \times 35 = 3.150.000 \text{ đ}$

Tỷ lệ số tiền tăng thêm:  $([2.570.000 + 2.470.000] / 3.150.000)\% = 160\%$

Đơn giá bán:  $35 + 35 \times 160\% = 91 \text{ đ/sp}$

**1.c.Phân tích phương án kinh doanh theo mối quan hệ CVP**

**Xét phương án 1:**

CL SDĐP:  $[100.000 \times (65 - 5) - 5.200.000 = 800.000 \text{ đ}$

CL định phí: 640.000 đ

KQ:  $800.000 - 640.000 = + 160.000 \text{ đ}$

### Xét phương án 2 :

CL SDĐP:  $[86.600 \times (65 + 5 - 9) - 5.200.000] = 82.600 \text{ đ}$

CL định phí: 482.600 đ

KQ:  $82.600 - 482.600 = - 400.000 \text{ đ}$

Chọn phương án 1 vì phương án 2 bị loại

### CÂU 2

#### 2.a. Xác định chi phí đơn vị thấp nhất, cao nhất và dự báo chi phí

Chi phí đơn vị cao nhất:  $800 + [5.000.000 / 5.000] = 1.800 \text{ đ/sp}$

Chi phí đơn vị thấp nhất:  $800 + [5.000.000 / 8.000] = 1.425 \text{ đ/sp}$

Chi phí ở mức 7.000 sp:  $7.000 \times 800 + 5.000.000 = 10.600.000 \text{ đ}$

#### 2.b. Xác định tỷ lệ số tiền tăng thêm theo phương pháp trực tiếp

$G_b = B_p (100\% + TL\%) \text{ ---- } TL\% = [G_b / B_p]\% - 100\%$

$TL = [1.200 / 800]\% - 100\% = 50\%$

Phạm vi linh hoạt giá bán từ 800 đ/sp đến 1.200 đ/sp

#### 2.c. Lập dự toán sản xuất

	Tuần 1	Tuần 2	Tuần 3	Tuần 4	Tháng
SLSP tiêu thụ [sp]	1.000	2.000	3.000	4.000	10.000
Dự trữ cuối kỳ [sp]	200	300	400	250	250
Tổng nhu cầu [sp]	1.200	2.300	3.400	4.200	10.250
Tồn kho đầu kỳ [sp]	200	200	300	400	200
SLSP cần sản xuất [sp]	1.000	2.100	3.100	3.800	10.050

### ĐỀ 2:

**Câu 1:** Công ty M kinh doanh 1 loại sản phẩm Y với năng lực sản xuất và tiêu thụ dự kiến hàng năm là 10.000sp, ROI mong muốn 9%, vốn hoạt động bình quân 2.000.000đ. Công ty đang định giá bán theo phương pháp xác định chi phí toàn bộ với đơn giá bán là 90đ. Một số thông tin dự kiến khác:

- **Giá thành sản xuất đơn vị sản phẩm: 60 đ/sp;**

Trong đó chi tiết: Chi phí NVLTT 30 đ/sp;

Chi phí NCTT 12 đ/sp;

Chi phí SXC 18 đ/sp

- Tổng định phí sản xuất chung mỗi năm: 130.000 đ
- Tổng chi phí bán hàng và quản lý 120.000 đ, trong chi phí bán hàng và quản lý chỉ có chi phí bao bì tiêu thụ 3 đ/sản phẩm là biến phí.

### **Yêu cầu:**

- Xác định tổng định phí sản xuất kinh doanh của năm, tỉ lệ số tiền tăng thêm lập phiếu định giá theo phương pháp trực tiếp.
- Tính sản lượng, doanh thu hoà vốn dự kiến cho công ty. Nếu trong năm, công ty bán được 6.500 sản phẩm thì công ty lãi hay lỗ, bao nhiêu.
- Công ty dự kiến năm nay chỉ tiêu thụ được 9.000sp, trong đó quý I chiếm 20%, quý II chiếm 30%, quý III 10%, còn lại là của quý IV. Khối lượng sản phẩm Y tồn kho đầu năm là 180sp., dự kiến tồn kho cuối năm 250sp. Lập dự toán cho từng quý của năm:
  - Dự toán tiêu thụ – biết doanh thu quý IV năm trước 315.000 đ và công ty luôn áp dụng chính sách 70% doanh thu sẽ thu tiền ngay trong quý, 30% còn lại thu ở quý tiếp.
  - Dự toán sản xuất – với dự kiến tồn kho cuối mỗi quý 10% nhu cầu tiêu thụ quý sau.

### **Câu 2:** Công ty AB kinh doanh hai loại sản phẩm với tài liệu:

- Sản phẩm A: đơn giá bán 2.000 đ/sp, tỷ lệ biến phí 60%, tỷ lệ phân bổ định phí 40%;
- Sản phẩm B: đơn giá bán 4.000 đ/sp, tỷ lệ biến phí 70%, tỷ lệ phân bổ định phí 60%;
- Định phí hàng tháng của công ty 20.000.000 đ;
- Trong tháng 12 năm 2019, công ty tiêu thụ được 10.000 sp A và 15.000 sp B.

### **Yêu cầu :**

- Lập báo cáo kết quả kinh doanh tháng 12 và xác định doanh thu hoà vốn, doanh thu (mức dư) an toàn, tỷ lệ số dư an toàn, độ lớn đòn bẩy kinh doanh của công ty.
- Công ty có nên ngưng sản xuất sản phẩm A hay không nếu ngưng sản xuất sản phẩm A sẽ giảm được 60% định phí của nó.
- Để gia tăng lợi nhuận, công ty dự tính sản xuất và tiêu thụ thêm 1.000 sp B nhưng do năng lực hạn chế phải giảm sản xuất tiêu thụ 2.000 sp A. Công ty có nên thực hiện đề xuất hay không, chứng minh.
- Giả sử tổng doanh thu không đổi nhưng muốn đạt mức lợi nhuận tăng 1.000.000 đ, công ty phải thay đổi kết cấu doanh thu sản phẩm A và sản phẩm B như thế nào, tính doanh thu từng sản phẩm trong trường hợp này.

## **CÂU 1:**

### **1.a. Định giá bán theo phương pháp trực tiếp**

$$\text{Định phí: } 130.000 + 120.000 - [3 \times 10.000] = 220.000 \text{ đ}$$

$$\text{Lợi nhuận mục tiêu: } 2.000.000 \times 9\% = 180.000 \text{ đ}$$

$$\text{Tổng biến phí: } 10.000 \times [30 + 12 + (18 \times 10.000 - 130.000) / 10.000 + 3] = 500.000 \text{ đ}$$

$$\text{Tỷ lệ số tiền tăng thêm: } ([220.000 + 180.000] / 500.000) \times 100\% = 80\%$$

$$\text{Đơn giá bán: } 50 + [50 \times 80\%] = 90 \text{ đ/sp}$$

### **1.b. Phân tích và ứng dụng điểm hòa vốn**

$$\text{Sản lượng hòa vốn: } [220.000 / 40] = 5.500 \text{ sp}$$

Doanh thu hòa vốn:  $5.500 \times 90 = 495.000 \text{ đ}$

Công ty sẽ có lời vì sản lượng hòa vốn

Lợi nhuận:  $[6.500 - 5.500] \times 40 = 40.000 \text{ đ}$

### 1.c. Lập dự toán tiêu thụ và dự toán sản xuất:

#### Dự toán tiêu thụ

Chỉ tiêu	Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	Năm
Sản lượng bán	1800	2700	900	3600	9.000
Đơn giá bán (ngđ)	90	90	90	90	90
Doanh thu (ngđ)	162.000	243.000	81.000	324.000	810.000

Chỉ tiêu	Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	Năm
Thu nợ năm trước	94.500				94.500
Thu tiền quý 1	113.400	48.600			162.000
Thu tiền quý 2		170.100	72.900		243.000
Thu tiền quý 3			56.700	24.300	81.000
Thu tiền quý 4				226.800	226.800
Tổng cộng	207.900	218.700	129.600	251.100	807.300

#### Dự toán sản xuất

Chỉ tiêu	Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	Năm
Sản lượng bán	1.800	2.700	900	3.600	9.000
Dự trữ tồn cuối kỳ	270	90	360	250	250
Sản lượng yêu cầu	2.070	2.790	1.260	3.850	9.250
Tồn đầu kỳ	180	270	90	360	180
Nhu cầu cần sản xuất	1.890	2.520	1.170	3.490	9.070

## CÂU 2

### 2.a. Lập báo cáo kết quả kinh doanh

Chỉ tiêu	Sản phẩm A		Sản phẩm B		Công ty	
	Số tiền (đ)	Tỷ lệ (%)	Số tiền (đ)	Tỷ lệ (%)	Số tiền (đ)	Tỷ lệ (%)
1. Doanh thu	20.000.000	100,00	60.000.000	100,00	80.000.000	100,00
2. Biến phí	12.000.000	60,00	42.000.000	70,00	54.000.000	67,50
3. SD ĐP	8.000.000	40,00	18.000.000	30,00	26.000.000	32,50
4. ĐP	8.000.000		12.000.000		20.000.000	

5.Lợi nhuận	00		6.000.000		6.000.000	
-------------	----	--	-----------	--	-----------	--

Doanh thu hòa vốn chung = Tổng ĐP / TLSĐĐP bình quân

$$20.000.000 / 32,50 \% = 61.538.462 \text{ đ}$$

$$\text{MDAT} = \text{DT} - \text{DTHV}: 80.000.000 - 61.538.462 = + 18.461.538 \text{ Đ}$$

$$\text{TL MDAT} = \text{MDAT} / \text{DT}: [18.461.538 / 80.000.000]\% = 23,08\%$$

$$\text{ĐLĐBKD} = \text{SDĐP} / \text{LN}: 26.000.000 / 6.000.000 = 4,33$$

### 2.b. Phân tích phương án kinh doanh

Chênh lệch (thay đổi) số dư đảm phí:  $00 - 8.000.000 = - 8.000.000 \text{ đ}$

Chênh lệch (thay đổi) định phí :  $- 60\% \times 8.000.000 = - 4.800.000 \text{ đ}$

Kết quả:  $- 8.000.000 - (- 4.800.000) = - 3.200.000 \text{ đ}$

Phương án không nên thực hiện

### 2.c. Phân tích phương án kinh doanh

Chênh lệch (thay đổi) số dư đảm phí:

$$1.000 \times 4.000 \times 30\% - 2.000 \times 2.000 \times 40\% = - 400.000 \text{ đ}$$

Chênh lệch (thay đổi) định phí: 00

Kết quả:  $- 400.000 - 00 = - 400.000 \text{ đ}$

Phương án không nên thực hiện

### 2.d. Phân tích kết cấu hàng bán

$$\text{DT[A]} + \text{DT[B]} = 80.000.000$$

$$\text{DT[A]} \times 40\% + \text{DT[B]} \times 30\% = 20.000.000 + [6.000.000 + 1.000.000]$$

$$\text{DT[A]} \times 30\% + \text{DT[B]} \times 30\% = 80.000.000 \times 30\%$$

$$\text{DT[A]} \times 40\% + \text{DT[B]} \times 30\% = 27.000.000$$

$$\text{DT[A]} = [27.000.000 - 24.000.000] / 0,1 = 30.000.000 \text{ đ (tương ứng } 37,50\%)$$

$$\text{DT[B]} = 80.000.000 - 30.000.000 = 50.000.000 \text{ (tương ứng } 62,50\%)$$

## ĐỀ 3:

**Câu 1:** Công ty AB có tài liệu về kinh doanh sản phẩm A năm 2019:

Định phí hằng kỳ 1.200.000 đ, sản lượng hòa vốn 6.000sp, tổng biên phí 6.800.000 đ, ROI thực tế 10%, tài sản sử dụng bình quân 5.000.000 đ, năng lực hoạt động từ 5.000 sp – 10.000sp.

### Yêu cầu:

- Định giá bán đơn vị sản phẩm và xác định phạm vi linh hoạt của đơn giá bán theo phương pháp trực tiếp.
- Lập dự toán kết quả kinh doanh với dự tính tiêu thụ 8.000 sp, trong đó, quý 1: 2.000 sp, quý 2: 2.000 sp, quý 3: 3.000 sp, quý 4: 1.000 sp.
- Trong năm 2020, công ty Q đặt mua 7.000 sp B với giá 900 đ/sp. Nếu thực hiện đơn đặt hàng này, công ty phải ngưng kinh doanh 3.000 sp A để dồn năng lực sản xuất sản phẩm B. Cho biết, biên phí sản phẩm B là 750 đ/sp. Anh chị phân tích và chứng minh có nên thực hiện đơn đặt hàng này không.

**Câu 2:** Công ty K có một bộ phận Q sản xuất một loại chi tiết máy được sử dụng rộng rãi trong sản xuất máy nỏ. Tài sản sử dụng bình quân của bộ phận này là 800.000.000 đ. Công ty K mong muốn một tỉ lệ hoàn vốn đầu tư (ROI) tối thiểu là 15%. Chi tiết máy của bộ phận Q được bán ra với giá 8.000đ/sp, biên phí đơn vị là 5.000 đ/sp, định phí 480.000.000 đ một năm. Công suất của bộ phận này là 250.000 chi tiết một năm.



### **Yêu cầu: (Các câu hỏi độc lập với nhau)**

- d. Bao nhiêu sản phẩm được bán ra để bộ phận này đạt được ROI mong muốn, ở đó, tỉ suất lợi nhuận trên doanh thu và số vòng quay tài sản là bao nhiêu.
- e. Với giá bán 8.000 đ/sp, bộ phận Q đang bán được 200.000 chi tiết một năm và năng lực còn nhàn rỗi là 50.000 chi tiết. Bộ phận Q đang nghiên cứu giảm giá bán 50.000 chi tiết này sao cho ROI toàn bộ phận Q đạt mức tối thiểu là 20%. Giá bán thấp nhất cho 50.000 chi tiết này là bao nhiêu.
- f. Quản lý bộ phận Q muốn giá bán giảm đi 5%, bộ phận Q phải bán bao nhiêu chi tiết để đạt được ROI tối thiểu là 15%.
- g. Nếu Bộ phận Q đang hoạt động ở mức độ đạt được ROI tối thiểu 15%, quản lý bộ phận này muốn tăng giá bán thêm 5%, điều này có thể làm lượng bán giảm đi 20.000 chi tiết một năm, tuy nhiên, tài sản sử dụng bình quân có thể giảm được 50.000.000 đ nhờ giảm được hàng tồn kho và các khoản phải thu. Tính toán sự thay đổi của ROI, tỉ suất lợi nhuận trên doanh thu và số vòng quay tài sản.
- h. Bộ phận Q muốn giảm giá bán 5%, đồng thời tăng thêm chi phí quảng cáo, dự kiến năng lực hoạt động có thể sử dụng hết. Chi phí quảng cáo có thể tăng thêm bao nhiêu để bộ phận Q vẫn đạt được ROI toàn bộ phận là 20%.

### **CÂU 1:**

#### **1.a. Định giá bán**

Số dư đảm phí đơn vị:  $1.200.000 / 6.000 = 200$  đ/sp

Sản lượng trong kỳ:  $[1.200.000 + 5.000.000 \times 10\%] / 200 = 8.500$  sp

Biến phí đơn vị:  $6.800.000 / 8.500 = 800$  đ/sp

Cơ cấu đơn giá bán:  $800 + 200 = 1.000$  đ/sp

#### **1.b. Lập dự toán kết quả kinh doanh**

Chỉ tiêu	Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	Cả năm
Doanh thu [đ]	2.000.000	2.000.000	3.000.000	1.000.000	8.000.000
SL tiêu thụ [sp]	2.000	2.000	3.000	1.000	8.000
-ĐG bán [đ/sp]	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000
Biến phí	1.600.000	1.600.000	2.400.000	800.000	6.400.000
SL tiêu thụ [sp]	2.000	2.000	3.000	1.000	8.000
ĐG biến phí [đ/sp]	800	800	800	800	800
Số dư đảm phí [đ]	400.000	400.000	600.000	200.000	1.600.000
Định phí [đ]	300.000	300.000	300.000	300.000	1.200.000
Lợi nhuận [đ]	100.000	100.000	300.000	(100.000)	400.000

#### **1.c. Phân tích phương án kinh doanh**

CLSDĐP:  $7.000 \times [900-750] - 3.000 \times 200 = + 450.000$  đ

CL ĐP: 00

KQ =  $450.000 - 000 = 450.000$  đ

Công ty nên chấp nhận đơn đặt hàng lợi nhuận sẽ tăng 450.000 đ

## **CÂU 2:**

### **2.a. Tính sản lượng cần thiết**

Sản lượng cần đạt:  $[480.000.000 + 800.000.000 \times 15\%] / [8.000 - 5.000] = 200.000\text{sp}$

Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu:  $[120.000.000 / 1.600.000.000]\% = 7,50\%$

Số vòng quay tài sản:  $1.600.000.000 / 800.000.000 = 2,00$  vòng

### **2.b. Xác định giá bán đặc biệt**

Biến phí mỗi sp: 5.000 đ/sp

Số dư đảm phí linh hoạt tính cho mỗi sp :

Định phí: 00 đ/sp

Lợi nhuận:  $[800.000.000 \times 20\% - 800.000.000 \times 15\%] / 50.000 = 800\text{đ/sp}$

Giá bán tối thiểu:  $5.000 + 800 = 5.800$  đ/sp

Doanh thu tối thiểu lô hàng:  $50.000 \times 5.800 = 290.000.000\text{đ}$

### **2.c. Tính sản lượng cần thiết**

Lợi nhuận mục tiêu:  $800.000.000 \times 15\% = 120.000.000$  đ

Sản lượng cần đạt:  $[480.000.000 + 120.000.000] / [3.000 - 5\% \times 8.000] = 230.769\text{sp}$

### **2.d. Xác định thay đổi ROI**

**Trước thay đổi, tại ROI 15%,**

Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu: 7,50%

Số vòng quay tài sản: 2,00vòng

**Sau thay đổi,**

LN:  $(200.000 - 20.000) \times (8.000 \times 105\% - 5.000) - 480.000.000 = 132.000.000$  đ

TS sử dụng bình quân:  $800.000.000 - 50.000.000 = 750.000.000$  đ

ROI:  $132.000.000 / 750.000.000\% = 17,60\%$

Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu:  $[132.000.000 / 1.512.000.000]\% = 8,73\%$

Số vòng quay tài sản:  $1.512.000.000 / 750.000.000 = 2,02$  vòng

**Tình hình :**

ROI tăng:  $17,60 - 15,00 = + 2,60 \%$

TLLD TDT tăng:  $8,73 - 7,50 = +1,23\%$

SVQTS tăng :  $2,02 - 2,00 = + 0,02$  vòng

### **2e. Xác định định phí tương ứng**

LN = SD ĐP - ĐP, nên ĐP = SDĐP - LN

LN:  $800.000.000 \times 20\% = 160.000.000 \text{ Đ}$

SDĐP:  $250.000 \times [8.000 \times 0,95 - 5.000] = 650.000.000 \text{ đ}$

ĐP =  $650.000.000 - 160.000.000 = 490.000.000 \text{ đ}$

Định phí quảng cáo tăng thêm tối đa:  $490.000.000 - 480.000.000 = 10.000.000 \text{ đ}$

#### ĐỀ 4:

**Câu 1:** Công ty A sản xuất và kinh doanh sản phẩm A với tài liệu năm 2019 như sau:

- Doanh thu (30.000 cái x 250 đ/cái) 7.500.000 đ

- Giá vốn hàng bán:

. Chi phí NLVLTT (60đ/cái x 30.000cái) 1.800.000

. Chi phí NCTT (40đ/cái x 30.000cái) 1.200.000

. Biến phí SXC (30đ/cái x 30.000cái) 900.000

. Định phí SXC

+ Lương QLPX 400.000

+ Khấu hao **600.000** 1.000.000 4.900.000 đ

- Lợi nhuận gộp: 2.600.000 đ

- Chi phí BH và QLDN:

. Biến phí BH (20đ/cái x 30.000cái) 600.000 đ

. Định phí

+ Lương QLDN 100.000

+ Khấu hao 300.000 400.000 đ 1.000.000 đ

- Lợi nhuận: 1.600.000

- Hiện tại, công đã hoạt động hết năng lực sản xuất và tài sản sử dụng bình quân trong năm là 8.000.000đ

#### Yêu cầu:

- Lập báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp trực tiếp và xác định số dư an toàn, đòn bẩy hoạt động (đòn bẩy kinh doanh).
- Do điều chỉnh tiền lương tối thiểu, công ty ước tính chi phí nhân công trực tiếp sẽ tăng thêm 25% một sản phẩm trong năm tới, lương bộ phận quản lý phân xưởng tăng 10%, lương bộ phận quản lý doanh nghiệp tăng 20%. Cho biết, công ty bán bao nhiêu sản phẩm trong năm tới để lợi nhuận vẫn đạt được như trong năm trước.
- Trở về số liệu đầu bài, công ty đang muốn đầu tư máy móc để tự động hóa, thay thế toàn bộ lao động thủ công. Nếu mua máy mới để sử dụng, biến phí nhân công sẽ giảm bớt 20% nhưng tổng định phí khấu hao phân xưởng sản xuất sẽ tăng gấp đôi, năng lực sản xuất cũng gia tăng, khối lượng sản phẩm dự kiến tăng 20%. Công ty có nên tự động hóa không.
- Trở về số liệu đầu bài, giá sử công ty chỉ sử dụng 80% năng lực so với hiện tại và có khách hàng muốn mua 20% sản phẩm còn lại với giá bán phải thấp hơn 20% so với giá bán bình thường. Công ty mong muốn lợi nhuận tăng thêm từ hợp đồng này chỉ cần bằng với 50%

lợi nhuận nếu khối lượng sản phẩm này được bán với giá bán bình thường. Giá bán thấp nhất là bao nhiêu và hợp đồng này có thể được thực hiện không.

- e. Trở về số liệu đầu bài, giả sử công ty chỉ sử dụng 80% năng lực so với hiện tại và có đơn vị nội bộ muốn mua 10.000 sản phẩm với giá bán nội bộ. Giá bán nội bộ là bao nhiêu.
- f. Trở về số liệu đầu bài, Công ty muốn đầu tư một thiết bị để sản xuất thêm sản phẩm kiểu mới, thiết bị này làm tăng tài sản sử dụng bình quân 2.000.000đ. Thiết bị mới làm biến phí sản xuất giảm 10%, định phí sản xuất tăng 390.000đ, số lượng mũ bảo hiểm tăng 20%, sản phẩm làm ra sẽ tiêu thụ được hết. Xác định ROI và lợi nhuận còn lại của thiết bị mới này và Công ty có nên đầu tư thiết bị mới không, tại sao. Cho biết, ROI tối thiểu là 15% .

**Câu 2:** Công ty thương mại A có doanh thu tháng 6 là 400.000đ, công ty hoạch định doanh thu mỗi tháng tiếp theo làm thế nào để tháng sau tăng hơn tháng trước 10%, giá vốn hàng bán là 80% trên doanh thu bán hàng, tồn kho đầu các tháng bằng 10% nhu cầu tiêu thụ trong tháng, nợ các tháng trước chuyển sang là 80.000đ và sẽ thanh toán hết trong tháng 7, thanh toán tiền mua hàng trong tháng 20% thanh toán ngay bằng tiền khi mua hàng, số còn lại trả chậm, trong số trả chậm doanh nghiệp phải trả 50% trong tháng mua hàng, còn lại sẽ trả vào tháng tiếp theo.

**Yêu cầu:** Lập dự toán chi phí mua hàng, lượng tiền dự kiến chi cho quý 3.

### CÂU 1 :

#### 1.a. Lập báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp trực tiếp

Chỉ tiêu	Tổng số (đ)	Đơn vị (đ/sp)	Tỷ lệ (%)
Doanh thu [30.000 sp x 250 đ/sp]	7.500.000	250	100,00
Biến phí [30.000 sp x 150 đ/sp]	4.500.000	150	60,00
Số dư đảm phí [DT –BP]	3.000.000	100	40,00
Định phí	1.400.000		
Lợi nhuận [SD ĐP –ĐP]	1.600.000		

Biến phí đơn vị:  $(60 + 40 + 30) + 20 = 150$  đ/sp

Định phí:  $1.000.000 + 400.000 = 1.400.000$  đ

Doanh thu hòa vốn:  $1.400.000 / 40\% = 3.500.000$  đ

Doanh thu an toàn:  $7.500.000 - 4.000.000 = 3.000.000$  đ

Đòn bẩy kinh doanh:  $3.000.000 / 1.600.000 = 1,875$

#### 1b.Xác định sản lượng

Đơn giá bán: 250 đ/sp

Biến phí đơn vị:  $150 + 25\% \times 40 = 160$  đ/sp

Định phí:  $1.400.000 + 10\% \times 400.000 + 20\% \times 100.000 = 1.460.000$  đ

Lợi nhuận mục tiêu 1.600.000 đ

Sản lượng cần đạt:  $[1.460.000 + 1.600.000] / [250 - 160] = 34.000$  sp

#### 1.c. Phân tích phương án kinh doanh

CLSDĐP:  $30.000 \times 120\% \times [100 + 20\% \times 40] - 3.000.000 = 888.000 \text{ Đ}$

CLĐP : 600.000 đ

KQ:  $888.000 - 600.000 = +288.000 \text{ đ}$

Công ty nên tự động hóa lợi nhuận sẽ tăng 288.000 đ

**1.d. Định giá bán đặc biệt** - Biến phí đơn vị: 150đ/sp

SDĐP linh hoạt cho mỗi sản phẩm :

Định phí:  $000 [ \text{sản lượng hòa vốn chỉ } 1.400.000 / 100 = 14.000\text{sp}]$

Lợi nhuận mục tiêu:  $100/ 2 = 50 \text{ đ/sp}$

Đơn giá bán thấp nhất:  $150 + 50 = 200 \text{ đ/sp}$

Đơn giá mua của khách hàng  $250 \times 80\% = 200 \text{ đ/sp}$

Hợp đồng nên thực hiện

**1.e. Định giá chuyển nhượng nội bộ**

Biến phí thực hiện:  $(60 + 40 + 30) = 130 \text{ đ/sp}$

Số dư đảm phí bị thiệt hại do ngưng bán ra ngoài tính cho mỗi sản phẩm :

$([10.000 - 20\% \times 30.000] \times 100) / 10.000 = 40 \text{ đ/sp}$

Đơn giá chuyển nhượng tối thiểu:  $130 + 40 = 170 \text{ đ/sp}$

**1.f. Phân tích chọn phương án theo ROI**

**Trước thay đổi,**

$ROI = [1.600.000 / 8.000.000]\% = 20,00\%$

$RI = 1.600.000 - 15\% \times 8.000.000 = +400.000 \text{ đ}$

**Sau thay đổi,**

$LN: 30.000 \times 120\% \times [100 + 10\% \times 130] - [1.400.000 + 390.000] = 2.278.000 \text{ đ}$

$ROI = [2.278.000 / 10.000.000]\% = 22,78\%$

$RI = 2.278.000 - 15\% \times 10.000.000 = +778.000 \text{ đ}$

**Công ty nên chấp nhận phương án vì đảm bảo và tăng ROI, RI**

## CÂU 2

**Dự toán mua hàng và thanh toán tiền mua hàng**

Chỉ tiêu	Chi tiết từng tháng			Quý 3
	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	
1.GV hàng tiêu thụ [đ]	352.000	387.200	425.920	1.165.120

2.GV hàng dự trữ [đ]	38.720	42.592	46.851	46.851
3.Tổng GV [đ]	390.720	429.792	472.771	1.211.971
4.GV hàng tồn kho đầu kỳ	35.200	38.720	42.592	35.200
5.GV hàng mua [đ]	355.520	391.072	430.179	1.176.771

Chi tiêu	Chi tiết từng tháng			Quý 3
	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	
1.Thanh toán quý 2 [đ]	80.000			80.000
2.Thanh toán quý 3 [đ]				
- Tháng 7	213.312	142.208		355.520
- Tháng 8		234.643	156.429	391.072
- Tháng 9			258.107	258.107
3.Tổng cộng [đ]	293.312	376.851	414.536	1.084.699

#### ĐỀ 5 :

**Câu 1:** Công ty K đang sản xuất ở mức hoạt động tối thiểu 50.000 sản phẩm, mức hoạt động tối đa là 80.000 sản phẩm. Công ty vừa nhận được đề nghị của khách hàng Nhật mua 30.000 sp với giá 7đ/sp. Hiện thời, công ty chưa bán sản phẩm này sang Nhật và đang có nhu cầu mở rộng thị trường để giải quyết những vấn đề khó khăn trong kinh doanh. Theo tài liệu chi phí của công ty ở mức hoạt động tối thiểu và tối đa như sau :

Chi tiêu	Mức hoạt động	Mức hoạt động
	50.000 sp	80.000sp
<b>1.Chi phí sản xuất</b>	<b>375.000 đ</b>	<b>540.000 đ</b>
- CPNVLTT	50.000 đ	80.000 đ
- CPNCTT	200.000 đ	320.000 đ
- CPSXC	125.000 đ	140.000 đ
<b>2. Giá thành đơn vị</b>	<b>7,5 đ/sp</b>	<b>6,75 đ/sp</b>

#### Yêu cầu:

- Phân tích chi phí sản xuất chung thành hai yếu tố biến phí và định phí; sau đó, trình bày chi phí sản xuất đơn vị chi tiết theo các khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, biến phí sản xuất chung và định phí sản xuất chung ở mức hoạt động 50.000sp và 80.000sp.
- Với giá bán bình thường là 10 đ/sp, lập phiếu tính giá bán đơn vị sản phẩm theo phương pháp trực tiếp và chỉ rõ phạm vi linh hoạt của giá bán, cho biết, tỷ lệ số tiền tăng thêm là 2/3 (66,66%).
- Căn cứ các tài liệu đã cho và kết quả tính được ở câu (b), đơn đặt hàng 30.000 sp của khách hàng Nhật nên chấp nhận hay từ chối, chứng minh bằng số liệu cụ thể và tính lợi nhuận tăng thêm trong trường hợp này.
- Giả sử công ty đang bán 50.000 sp hàng năm với giá 10đ/sp, định phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp 50.000đ, ROI là 25%, xác định tổng tài sản bình quân công ty đang sử dụng.
- Giả sử công ty vẫn đang bán 50.000 sp hàng năm với giá 10 đ/sp, công ty muốn giảm giá bán 10%, thay trả lương theo thời gian của nhân viên bán hàng 20.000đ bằng trả hoa hồng

5% trên doanh thu bán hàng, bằng giải pháp này, năng lực nhân rỗi của công ty dự kiến sẽ sử dụng hết, công ty có nên thực hiện giải pháp này không.

**Câu 2:** Công ty AB có tài liệu sản phẩm A như sau :

- Đơn giá bán 2.500 đ/sp;
- Biến phí đơn vị 2.000 đ/sp, trong đó, biến phí sản xuất 1.600 đ/sp
- Tổng định phí hằng kỳ 4.000.000 đ;
- Năng lực sản xuất kinh doanh hằng kỳ từ 6.000 sp – 12.000sp.

**Yêu cầu :**

- a. Cho biết mục tiêu lợi nhuận hằng kỳ của công ty là 800.000 đ, năng lực sản xuất kinh doanh hằng kỳ của công ty 7.000 sp, xác định giá bán thêm 5.000 sp A.
- b. Cho biết mục tiêu lợi nhuận hằng kỳ của công ty **800.000 đ**, năng lực sản xuất kinh doanh hằng kỳ của công ty 9.000 sp, xác định giá chuyển nhượng nội bộ 5.000 sp A.

### **CÂU 1**

#### **1.a. Phân tích chi phí hỗn hợp**

- Biến phí SXC đơn vị =  $[140.000 - 125.000] / [80.000 - 50.000] = 0,50$  đ/sp
- Định phí SXC hằng kỳ =  $140.000 - 0,50 \times 80.000 = 100.000$  đ
- Giá thành đơn vị

	Mức 50.000 sp	Mức 80.000 sp
CPNVLTT	1,00	1,00
CPNCTT	4,00	4,00
BPSXC	0,50	0,50
ĐPSXC	2,00	1,25
	7,50 đ/sp	6,75 đ/sp

#### **1.b. Phân tích các thành phần giá bán**

$$G_b = B_p + B_p \times TL\%$$

$$10 = B_p + (B_p \times 2/3)$$

$$B_p = 6 \text{ đ/sp}$$

Giá bán linh hoạt từ 6 đ/sp – 10 đ/sp

#### **1.c. Xác định giá bán đặc biệt**

Trong trường hợp gặp khó khăn,  $G_b \geq B_p$

$$B_p: 6 \text{ đ/sp}$$

$$G_b \geq 6 \text{ đ/sp}$$

Công ty nên chấp nhận đơn hàng, vì lợi nhuận tăng  $30.000 \times [7 - 6] = 30.000$  đ

#### **1d. Xác định các yếu tố liên quan đến ROI**

$$ROI = LN / \overline{TS}$$

$$LN: 50.000 \times [10 - 6] - [100.000 + 50.000] = 50.000 \text{ đ}$$

$$ROI: 25\%$$

$$\overline{TS} = LN / ROI = 50.000 / 25\% = 200.000 \text{ đ}$$

### 1.e. Phân tích phương án kinh doanh theo mối quan hệ CVP

CLSDĐP:  $80.000 \times [4 - 10\% \times 10 - 5\% \times 10] - 50.000 \times 4 = 00 \text{ đ}$

CLĐP:  $- 20.000 \text{ đ}$

Kết quả:  $000 - (- 20.000) = +20.000 \text{ đ}$

Công ty nên chấp nhận phương án lợi nhuận tăng 20.000 đ

### CÂU 2;

#### 2.a. Định giá bán đặc biệt

Biến phí mỗi sản phẩm sau thay đổi: 2.000 đ/sp

Số dư đảm phí linh hoạt mỗi sản phẩm:

Định phí cần bù đắp: 000 [ vì sản lượng hòa vốn 8.000 sp]

Lợi nhuận cần đạt:  $800.000 - (7.000 \times 500 - 4.000.000) / 5.000 = 220 \text{ đ/sp}$

Giá bán thấp nhất:  $2.000 + 220 = 2.220 \text{ đ/sp}$

#### 2.b. Định giá chuyển nhượng nội bộ

Biến phí thực hiện mỗi sản phẩm: 1.600 đ/sp

SDĐP cần bù đắp 1 sp:  $4.800.000 - (7.000 \times 500) / 5.000 = 260 \text{ đ/sp}$

Giá chuyển nhượng nội bộ thấp nhất:  $1.600 + 260 = 1.860 \text{ đ/sp}$

### ĐỀ 6:

**Câu 1:** Công ty BC có tài liệu kinh doanh sản phẩm A và sản phẩm B năm 2019 như sau :

	<u>Sản phẩm A</u>	<u>Sản phẩm B</u>	<u>Toàn công ty</u>
Khối lượng tiêu thụ [sp]	4.000	5.000	
Đơn giá bán (đ/sp)	1.000	2.000	
Biến phí đơn vị (đ/sp)	600	1.500	
Định phí bộ phận (đ)	1.000.000	2.000.000	
Định phí chung (đ)			800.000

Tài sản sử dụng bình quân 10.000.000 đ và ROI tối thiểu 8%

#### Yêu cầu :

- Lập báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp trực tiếp và đánh giá khả năng tăng lợi nhuận của từng sản phẩm khi doanh thu thay đổi.
- Xác định doanh thu hòa vốn toàn công ty và sản lượng tiêu thụ từng sản phẩm tương ứng với kết cấu doanh thu của công ty có 40% là doanh thu sản phẩm A, 60% là doanh thu sản phẩm B.
- Tính RI và ROI của công ty và dự tính tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu cần đạt trong năm kế tiếp nếu công ty mong muốn tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu tăng thêm 10%, luân chuyển tài sản tăng thêm 20%.

**Câu 2:** Các tài liệu sau đây đã thu thập từ các công ty A, công ty B, công ty C như sau:

- Công ty A: doanh thu 4.000, lợi nhuận sau thuế 288 (thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 28%), tỉ lệ hoàn vốn ROI 20%;
- Công ty B: tài sản sử dụng bình quân 4.000, ty suất lợi nhuận trên doanh thu 6.25%, số vòng quay tài sản là 4;



- Công ty C: lợi nhuận trước thuế 900, tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu 15%, tỉ lệ hoàn vốn ROI 30%.

**Yêu cầu: Tính các chỉ tiêu sau đây:**

- Công ty A: Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu, tài sản sử dụng bình quân, số vòng quay tài sản;
- Công ty B: Tỷ lệ hoàn vốn đầu tư, lợi nhuận trước chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận;
- Công ty C: doanh thu thuần, tài sản sử dụng bình quân và số vòng quay vốn tài sản

**Câu 3:** Để phục vụ cho nhu cầu dự báo chi phí sản xuất kinh doanh năm kế hoạch 2012, công ty đã thống kê được số liệu về chi phí sản xuất kinh doanh sản phẩm A như sau :

<u>Mức sản xuất kinh doanh (sp)</u>	<u>Chi phí sản xuất kinh doanh (đ)</u>
1.000	5.000.000
2.000	6.000.000
4.000	8.000.000
5.000	9.000.000
8.000	12.000.000

**Yêu cầu (các câu độc lập nhau):**

- Phân tích chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo mô hình ứng xử chi phí và dự tính điểm hòa vốn công ty với đơn giá bán 2.000 đ/sp.
- Xác định tỷ lệ số tiền tăng thêm và phạm vi linh hoạt của đơn giá bán theo phương pháp trực tiếp với mức giá 2.000 đ/sp.

**CÂU 1 :**

**1.a.Lập báo cáo kết quả kinh doanh**

Chỉ tiêu	Sản phẩm A		Sản phẩm B		Công ty	
	Số tiền (đ)	Tỷ lệ (%)	Số tiền (đ)	Tỷ lệ (%)	Số tiền (đ)	Tỷ lệ (%)
1.Doanh thu [đ]	4.000.000	100,00	10.000.000	100,00	14.000.000	100,00
2.Biến phí [đ]	2.400.000	60,00	7.500.000	75,00	9.900.000	70,71
<b>3.SD ĐP [đ]</b>	<b>1.600.000</b>	<b>40,00</b>	<b>2.500.000</b>	<b>25,00</b>	<b>4.100.000</b>	<b>29,29</b>
4.ĐPBP [đ]	1.000.000		2.000.000		3.000.000	
<b>5.SDBP [đ]</b>	<b>600.000</b>		<b>500.000</b>		<b>1.100.000</b>	
6.ĐP chung [đ]					800.000	
<b>7.Lợi nhuận [đ]</b>					<b>300.000</b>	

Sản phẩm A có khả năng tăng lợi nhuận tốt hơn khi tăng doanh thu vì tỷ lệ số dư đảm phí lớn hơn sản phẩm B

### 1.b. Phân tích điểm hòa vốn kép

DTHV chung toàn công ty  $3.800.000 / 29,29\% = 12.973.711$  đ

#### Sản phẩm A :

DT tương ứng:  $40\% \times 12.973.711 = 5.189.484$  đ

SL tương ứng:  $5.189.484 / 1.000 = 5.189$  sp

#### Sản phẩm B :

DT tương ứng:  $60\% \times 12.973.711 = 7.784.227$  đ

SL tương ứng:  $7.784.227 / 2.000 = 3.892$  sp

### 1.c. Tính ROI và RI

ROI:  $(300.000 / 10.000.000)\% = 3\%$

ROI:  $300.000 - 10.000.000 \times 8\% = - 500.000$  đ

ROI =  $[\text{LN} / \text{DT}] \times [\text{DT} / \text{TS}]$

ROI =  $[\text{LN} / \text{DT}] \times [\text{DT} / \text{TS}] = 3\% \times 110\% / 120\% = 2,75\%$

## CÂU 2

### 2.a. Tính các chỉ tiêu liên quan đến ROI của công ty A

Lợi nhuận trước thuế = Lợi nhuận sau thuế /  $[100 - \text{thuế suất}]$

$$\frac{\text{LN}}{\text{TS bq}} \cdot 20\% = \frac{\text{LN}}{\text{DT}} \cdot \frac{400}{4.000} \times \frac{\text{DT}}{\text{TS bq}} \cdot \frac{4.000}{X}$$

Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu:  $(400 / 4.000)\% = 10\%$

TSbq:  $(10\% \times 4.000) / 20\% = 2.000$

Số vòng quay:  $4.000 / 2.000 = 2$  vòng

### 2.b. Tính các chỉ tiêu liên quan đến ROI của công ty B

$$\frac{\text{LN}}{\text{TS bq}} \cdot X \cdot \frac{4.000}{4.000} = \frac{\text{LN}}{\text{DT}} \cdot 6,25\% \times \frac{\text{DT}}{\text{TS bq}} \cdot 4$$

Tỷ lệ hoàn vốn đầu tư [ROI]:  $6,25\% \times 4 = 25\%$

Lợi nhuận trước thuế:  $4.000 \times 25\% = 1.000$

Doanh thu:  $1.000 / 6,25\% = 16.000$

### 2.c. Tính các chỉ tiêu liên quan đến ROI của công ty C

$$\frac{\text{LN [900]}}{\text{TS bq}} \cdot 30\% = \frac{\text{LN}}{\text{DT}} \cdot 15\% \times \frac{\text{DT}}{\text{TS bq}}$$

Doanh thu:  $900 / 15\% = 6.000$

TSbq:  $900 / 30\% = 3.000$

Số vòng quay tài sản:  $6.000 / 3.000 = 2$  vòng

**CÂU 3 :**

**3.a. Phân tích chi phí và dự báo điểm hòa vốn**

Biến phí đơn vị:  $[12.000.000 - 5.000.000] / [8.000 - 1.000] = 1.000$  đ/sp

Tổng định phí:  $12.000.000 - 1.000 \times 8.000 = 4.000.000$  đ

DTHV:  $4.000.000 / (2.000 - 1.000) = 4.000$  sp

**3.b. Phân tích cơ cấu giá bán :**

$G_b = B_P + (B_P \times TLSTTT)$

Tỷ lệ số tiền tăng thêm =  $(2.000 / 1.000)\% - 100\% = 100\%$

...../.....

**Phần thi: KẾ TOÁN TÀI CHÍNH**

---

**TÀI LIỆU ÔN: TÀI LIỆU HỌC TẬP KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 1,2,3**

**NỘI DUNG ÔN THI TỐT NGHIỆP**

<b>Chương</b>	<b>Nội dung ôn thi</b>	<b>Tài liệu học tập (TLHT)</b>
Kế toán mua bán hàng hóa	<ul style="list-style-type: none"><li>- Kế toán mua hàng</li><li>- Kế toán bán hàng</li><li>- Trình bày thông tin trên BCTC</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- TLHT KTTC 2 – Chương 10</li></ul>
Kế toán giao dịch ngoại tệ	<ul style="list-style-type: none"><li>- Kế toán chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các giao dịch trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối kỳ</li><li>- Kế toán nhập khẩu trực tiếp</li><li>- Kế toán xuất khẩu trực tiếp</li><li>- Trình bày thông tin trên BCTC</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- TLHT KTTC 2 – Chương 15</li></ul>
Kế toán tài sản cố định (TSCĐ)	<ul style="list-style-type: none"><li>- Kế toán tăng TSCĐ</li><li>- Kế toán giảm TSCĐ</li><li>- Kế toán khấu hao TSCĐ.</li><li>- Trình bày thông tin trên BCTC</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- TLHT KTTC 1 – Chương 8</li></ul>
Kế toán bất động sản đầu tư (BĐSDT)	<ul style="list-style-type: none"><li>- Kế toán tăng BĐSĐT</li><li>- Kế toán giảm BĐSĐT</li><li>- Kế toán doanh thu, chi phí liên quan hoạt động bán, thanh lý, cho thuê BĐSĐT.</li><li>- Trình bày thông tin trên BCTC</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- TLHT KTTC 2 – Chương 14</li></ul>
Kế toán thuê tài sản	<ul style="list-style-type: none"><li>- Kế toán thuê hoạt động</li><li>- Kế toán cho thuê hoạt động</li><li>- Kế toán thuê tài chính</li><li>- Trình bày thông tin trên BCTC</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- TLHT KTTC 3 – Chương 19</li></ul>
Kế toán nợ vay và dự phòng phải trả	<ul style="list-style-type: none"><li>- Kế toán nợ vay có khế ước</li><li>- Kế toán nợ thuê tài chính</li><li>- Kế toán nợ vay do phát hành trái phiếu</li><li>- Kế toán chi phí đi vay</li><li>- Trình bày thông tin trên BCTC</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- TLHT KTTC 3 – Chương 18</li></ul>

Kế toán công ty cổ phần	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế toán phát hành cổ phiếu mới.</li> <li>- Kế toán tái phát hành cổ phiếu quỹ</li> <li>- Kế toán hủy cổ phiếu</li> <li>- Xác định Lãi cơ bản trên cổ phiếu</li> <li>- Trình bày thông tin trên BCTC</li> </ul>	- TLHT KTTC 3 – Chương 21
Kế toán các khoản đầu tư tài chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế toán đầu tư chứng khoán kinh doanh</li> <li>- Kế toán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</li> <li>- Kế toán đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</li> <li>- Kế toán dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, tổn thất các khoản đầu tư</li> <li>- Kế toán lãi đầu tư tài chính</li> <li>- Trình bày thông tin trên BCTC</li> </ul>	- TLHT KTTC 2 – Chương 16
Kế toán thuế TNDN	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tính toán và ghi nhận thuế TNDN hiện hành</li> <li>- Tính toán và ghi nhận thuế TNDN hoãn lại</li> <li>- Trình bày thông tin trên BCTC</li> </ul>	- TLHT KTTC 3 – Chương 20

# NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

(GV SOẠN: PHẠM NGỌC TOÀN)

## Tài liệu học tập:

Sách Nguyên lý kế toán – Biên dịch theo Weygandt, J. J., Kimmel, P. D., & Kieso, D.E. (2019). Financial accounting (IFRS) 4th 4 edition, John Wiley & Son. Chương 1-6 (Nhà xuất bản Kinh tế -bản tiếng Việt)

### 1. CHƯƠNG 1 KẾ TOÁN TRONG DOANH NGHIỆP

#### - CÁC HOẠT ĐỘNG KẾ TOÁN VÀ NGƯỜI SỬ DỤNG

+ Ba hoạt động kế toán

+ Người sử dụng thông tin kế toán

#### - NỀN TẢNG CƠ BẢN CỦA KẾ TOÁN

+ Đạo đức khi lập báo cáo tài chính

+ Chuẩn mực kế toán

+ Nguyên tắc đo lường

+ Những giả định

#### - PHƯƠNG TRÌNH KẾ TOÁN

#### - PHÂN TÍCH GIAO DỊCH KINH TẾ

#### - BÁO CÁO TÀI CHÍNH

+ Báo cáo kết quả hoạt động

+ Báo cáo lợi nhuận giữ lại

+ Báo cáo tình hình tài chính

### 2. CHƯƠNG 2 QUÁ TRÌNH GHI CHÉP

#### - TÀI KHOẢN, NỢ, VÀ CÓ

#### - SỔ NHẬT KÝ

#### - SỔ TÀI KHOẢN VÀ CHUYỂN SỔ

#### - BẢNG CÂN ĐỐI THỬ

### 3. CHƯƠNG 3 ĐIỀU CHỈNH CÁC TÀI KHOẢN

#### - KẾ TOÁN DỒN TÍCH VÀ CÁC BÚT TOÁN ĐIỀU CHỈNH

+ Năm tài chính và Năm dương lịch

+ Kế toán trên cơ sở dồn tích và Kế toán trên cơ sở tiền

+ Ghi nhận doanh thu và chi phí

+ Sự cần thiết phải điều chỉnh

- + Các trường hợp điều chỉnh
  - CÁC BÚT TOÁN ĐIỀU CHỈNH PHÂN BỐ
  - CÁC BÚT TOÁN ĐIỀU CHỈNH DỒN TÍCH
  - BẢNG CÂN ĐỐI THỬ SAU ĐIỀU CHỈNH VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

#### **4. CHƯƠNG 4 HOÀN TẤT CHU TRÌNH KẾ TOÁN**

- KHOÁ SỔ
  - + Lập các bút toán khóa sổ
  - + Chuyển sổ các bút toán khóa sổ
  - + Lập bảng cân đối thử sau khóa sổ
- BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH ĐƯỢC PHÂN LOẠI

#### **5. CHƯƠNG 5 KẾ TOÁN CÁC HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI**

- HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI VÀ HỆ THỐNG HÀNG TỒN KHO
  - + Chu kỳ hoạt động kinh doanh
  - + Dòng giá trị
- GHI CHÉP MUA HÀNG THEO HỆ THỐNG KÊ KHAI THƯỜNG XUYÊN
- GHI CHÉP BÁN HÀNG THEO HỆ THỐNG KÊ KHAI THƯỜNG XUYÊN
- CHU TRÌNH KẾ TOÁN CỦA CÔNG TY THƯƠNG MẠI
  - + Bút toán điều chỉnh
  - + Bút toán khóa sổ
- BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY THƯƠNG MẠI

#### **6. CHƯƠNG 6: HÀNG TỒN KHO**

- PHÂN LOẠI VÀ XÁC ĐỊNH HÀNG TỒN KHO
- CÁC PHƯƠNG PHÁP HÀNG TỒN KHO VÀ ẢNH HƯỞNG TÀI CHÍNH
  - + Theo giá đích danh
  - + Giả định dòng giá trị
  - + Báo cáo tài chính và ảnh hưởng thuế của các phương pháp dòng giá trị
  - + Sử dụng nhất quán các phương pháp dòng giá trị hàng tồn kho